

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh bất chấp thông tin tích cực từ nền kinh tế. Lo khủng hoảng nợ Hy Lạp lan rộng, Wall St. giảm mạnh nhất trong 3 tháng

Nhà đầu tư đua nhau xả hàng trong phiên giao dịch tồi tệ nhất của Wall Street trong vòng 3 tháng qua trước mối quan ngại rằng cho dù Hy Lạp có được giải cứu thì cuộc khủng hoảng nợ tại Châu Âu vẫn có khả năng lan rộng sang các nước yếu kém khác trong khu vực. Thị trường chưa hết thở phào nhẹ nhõm vì gói giải cứu 146 tỷ USD mà Liên minh Châu Âu (EU) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dành cho Hy Lạp thì phải tiếp tục lo lắng về việc thực thi gói giải cứu này bởi không phải tất cả 15 quốc gia còn lại đều sẵn lòng tham gia.

Quan ngại về tình hình tài chính của Tây Ban Nha cũng là một phần nguyên nhân chính phiên bán tháo ngày hôm qua. Sau những cố gắng của Hy Lạp nhằm đạt được gói cứu trợ khẩn cấp trị giá khoảng 144 tỷ đô la từ EU và IMF, giới phân tích lo ngại về khả năng khôi phục này có thể nhanh chóng đưa ra một quyết định tương tự nếu tình hình Tây Ban Nha xấu đi.

Tháng Tư, ngành công nghiệp tại Mỹ chứng kiến mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm gần đây. Chỉ số ISM Mfg index đạt 60,4 điểm trong tháng Tư, mức cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây, trong đó đặc biệt đáng chú ý mức tăng trưởng số lượng đơn đặt hàng mới tăng mạnh so với tháng Ba. Cũng trong ngày thứ Hai, thông tin công bố về mức thu nhập và chi tiêu cá nhân của người dân Mỹ, cũng như mức chi tiêu cho xây dựng đều đánh dấu những mức tăng trưởng mạnh mẽ cho thấy sự hồi phục của kinh tế đang hết sức khả quan.

Trung Quốc tăng dự trữ bắt buộc. Chủ nhật ngày 2/5, Ngân hàng trung ương Trung Quốc tuyên bố điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng (trừ các ngân hàng nông thôn), theo đó dự trữ bắt buộc kể từ ngày 10/5 sẽ tăng thêm 0,5%. Đây là lần tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc thứ 3 kể từ đầu năm nay, cho thấy mức lo ngại ngày càng tăng của chính phủ Trung Quốc đối với sự tăng trưởng nóng của kinh tế nước này trong thời điểm hiện tại. Tốc độ tăng trưởng GDP trong quý I của Trung Quốc đạt 11,9%, vượt xa dự báo trước đó của nhiều chuyên gia, trong khi đó, chỉ số giá CPI tháng 3 tăng 2,4% so với cùng kỳ, sát mức 3% được chính phủ đề ra.

Gần đây chính phủ Trung Quốc liên tục trấn an rằng những biện pháp này là cần thiết để giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế và cam kết sẽ tiếp tục các chính sách hỗ trợ kinh tế khác do nền kinh tế

Thị trường chứng khoán thế giới

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.926,77	-225,06	-2,02
Nasdaq	2.424,25	-74,49	-2,98
S&P 500	1.173,60	-28,66	-2,38
Châu Âu			
FTSE 100	5.411,11	-142,18	-2,56
DAX 30	6.006,86	-160,06	-2,6
CAC 40	3.689,29	-139,17	-3,64
Châu Á			
Nikkei 225	11.057,4	+132,61	+1,21
Hang Seng	20.763,05	-48,31	-0,23
Shanghai	2.835,28	-35,33	-1,23

Thị trường dầu, vàng và dollar

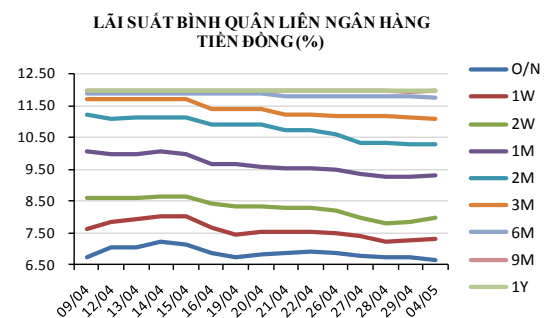
	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	82,1	6:01 pm
Vàng ²	1.171,4	6:01 pm
US dollar index	83,6	5:33 pm

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 6 - New York Mercantile Exchange

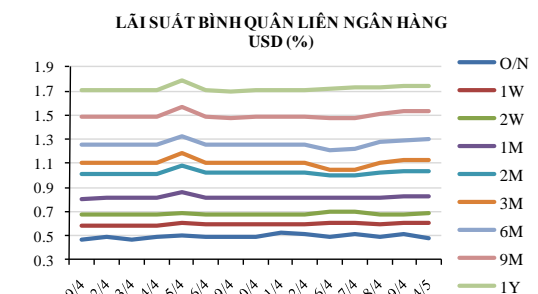
2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance



Nguồn: Thomson Reuters



Nguồn: Thomson Reuters

sau khủng hoảng vẫn chưa thực sự “khỏe mạnh”. Tuy nhiên động thái mới nhất của Ngân hàng trung ương Trung Quốc tiếp nối hàng loạt biện pháp nhằm hạn chế sự phình to của thị trường bất động sản được chính phủ đưa ra trong những tuần vừa qua đã khiến giới phân tích lo ngại những tác động tiêu cực của chúng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Ngân hàng trung ương Australia nâng lãi suất. Ngày 4/5, Ngân hàng trung ương Australia tuyên bố nâng lãi suất thêm 0,25%, lên mức 4,5% kể từ ngày 5/5. Sự hồi phục của kinh tế trong giai đoạn vừa qua, cùng với dự báo tiếp tục lạc quan của xu thế hồi phục này là cơ sở để Ngân hàng trung ương đưa lãi suất gần hơn với những điều kiện trước khủng hoảng.

Hy Lạp dành được gói cứu trợ khẩn cấp của EU trị giá 110 tỷ euro. Sau nhiều nỗ lực trong đàm phán, EU và Hy Lạp đã đạt được thỏa thuận về khoản vay khẩn cấp trong 3 năm nhằm giúp Hy Lạp tránh một cuộc đổ vỡ tín dụng, mà nếu xảy ra sẽ là một thảm họa đối với đồng euro và kéo theo những ảnh hưởng nặng nề tới khu vực. Khoản vay sẽ đi kèm với một chương trình cắt giảm chi tiêu toàn diện của chính phủ, đồng thời với những biện pháp tăng thuế nhằm bù đắp khoản thâm hụt ngân sách khổng lồ của quốc gia này. Giới phân tích đón nhận tin này một cách thận trọng do vẫn còn hoài nghi khả năng Hy Lạp có thể thực hiện những cam kết với EU trong thời điểm này, khi làn sóng phản đối những chính sách thắt lưng buộc bụng trong thời gian vừa qua của chính phủ ngày một lên cao.

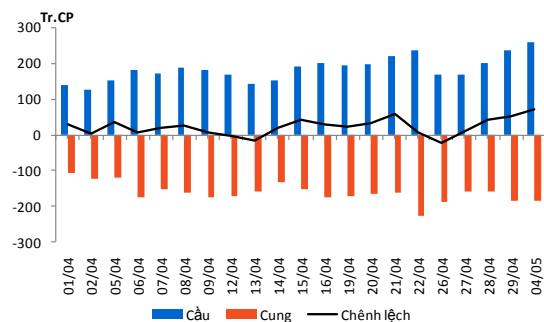
Giá đô la so với euro lên mức cao nhất trong vòng 1 năm qua do những lo lắng về tình hình tài chính tại các quốc gia sử dụng đồng euro.

Giá dầu sau khi tăng mạnh phiên đầu tuần nhờ sự hưng phấn sau những thông tin về kinh tế tích cực từ Mỹ, phiên 4/5 giá dầu quay lại mức 82 đô la/thùng. Đô la tăng giá và dự báo lượng dầu dự trữ tại Mỹ tiếp tục tăng là nguyên nhân chính kéo giá dầu xụt giảm phiên ngày hôm qua.

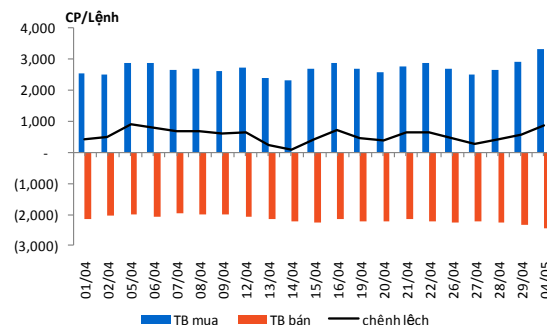
Vàng duy trì giá trên 1170 đô la/ounce.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

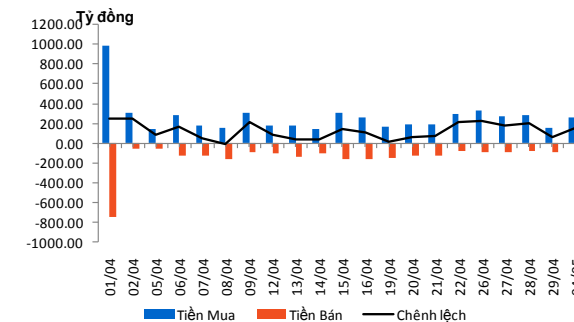
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

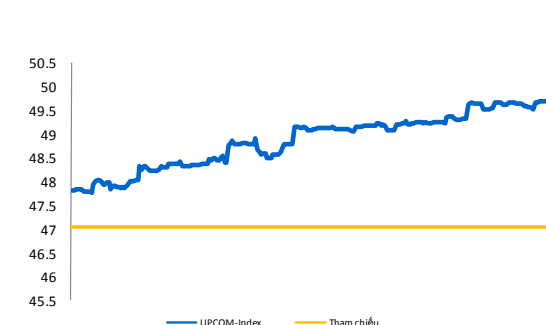
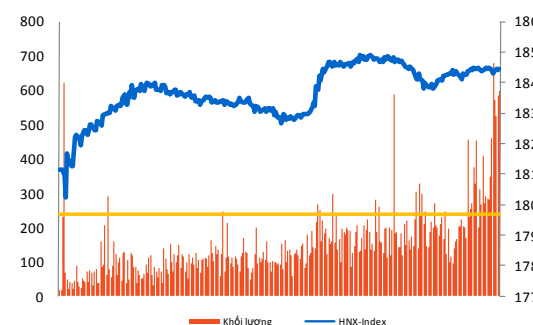
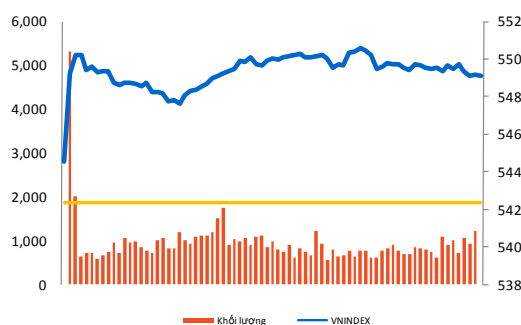
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	549.12 ↑	6.75	1.24%
KLGD (triệu ck)	89.16 ↑	14.60	19.59%
GTGD (tỷ đồng)	3,223.69 ↑	370.51	12.99%
Tổng cung (triệu ck)	127.81 ↑	7.07	5.85%
Tổng cầu (triệu ck)	172.93 ↑	26.75	18.30%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	4.27 ↑	1.25	41.43%
KL bán (triệu ck)	2.70 ↓	-0.28	-9.52%
Giá trị mua (tỷ đồng)	249.95 ↑	119.96	92.28%
Giá trị bán (tỷ đồng)	104.68 ↑	20.80	24.80%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	184.31 ↑	4.62	2.57%
KLGD (triệu ck)	44.57 ↓	-7.68	-14.69%
GTGD (tỷ đồng)	1,647.47 ↓	-315.26	-16.06%
Tổng cung (triệu ck)	57.67 ↓	-8.05	-12.25%
Tổng cầu (triệu ck)	84.78 ↓	-14.40	-14.52%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.32 ↓	-0.44	-57.49%
KL bán (triệu ck)	0.25 ↑	0.10	72.98%
Giá trị mua (tỷ đồng)	14.71 ↓	-6.55	-30.80%
Giá trị bán (tỷ đồng)	8.44 ↑	4.23	100.29%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	49.83 ↑	2.76	5.86%
KLGD (triệu ck)	0.79 ↓	-0.11	-12.41%
GTGD (tỷ đồng)	11.59 ↓	-4.76	-29.10%
Tổng cung (triệu ck)	1.08 ↑	0.32	41.35%
Tổng cầu (triệu ck)	1.89 ↑	0.81	75.68%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	0.00	-78.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	10.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.05 ↓	-0.15	-74.94%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.05 ↑	0.04	358.33%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
OGC	30,000	36,000	20.00	274,249
STB	21,800	22,800	4.59	172,119
CII	42,400	43,500	2.59	171,950
SSI	43,600	44,200	1.38	102,946
SJS	88,000	89,000	1.14	100,863

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DIC	28,000	29,400	1,400	5.00
DTT	12,000	12,600	600	5.00
HAS	16,000	16,800	800	5.00
SEC	34,000	35,700	1,700	5.00
DMC	46,100	48,400	2,300	4.99

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
HAI	42,000	39,900	-2,100	-5.00
RIC	35,000	33,300	-1,700	-4.86
VPL	54,000	51,500	-2,500	-4.63
MCV	36,600	35,000	-1,600	-4.37
AGR	24,800	23,800	-1,000	-4.03

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
SJS	47,308	VPH	12,239
VIC	43,306	CII	8,060
HAG	20,127	DIG	6,082
BVH	10,730	BTP	5,520
KDC	9,437	REE	5,463

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VCG	51,800	52,600	1.54	92,989
KLS	23,900	24,200	1.26	64,584
PVA	115,900	112,900	-2.59	61,800
ACB	33,400	35,300	5.69	54,354
PVL	35,700	38,100	6.72	41,999

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VNC	30,000	32,100	2,100	7.00
CIC	20,000	21,400	1,400	7.00
SHC	14,300	15,300	1,000	6.99
SVI	28,600	30,600	2,000	6.99
TKC	47,200	50,500	3,300	6.99

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SPP	54,300	50,500	-3,800	-7.00
DCS	47,500	44,200	-3,300	-6.95
HHC	65,400	61,000	-4,400	-6.73
MIC	113,300	106,100	-7,200	-6.35
CVT	52,500	49,400	-3,100	-5.90

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
NTP	2,179	STL	2,153
SDU	1,967	L43	1,017
KKC	1,759	SHB	1,010
MAC	1,245	NBC	759
PVI	1,238	VNC	648

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
API	10,900	11,600	6.42	2,266
UDJ	16,600	18,100	9.04	1,786
HDO	15,800	16,200	2.53	1,210
VDS	19,500	19,900	2.05	1,162
HIG	29,700	29,000	-2.36	881

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DBM	22,200	24,400	2,200	9.91
TNB	17,300	19,000	1,700	9.83
CT3	43,800	48,100	4,300	9.82
DNS	15,000	16,400	1,400	9.33
CFC	25,000	27,300	2,300	9.20

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
MAS	14,200	12,800	-1,400	-9.86
DGT	17,800	16,100	-1,700	-9.55
HIG	29,700	29,000	-700	-2.36
ACC	39,600	38,800	-800	-2.02
BTC	45,300	45,000	-300	-0.66

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
BTC	50	BTC	50

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	32.8	58,237	↑ 3.47	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	36.8	61,000	↑ 0.82	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10.3	1,000	↑ 6.19	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	22.8	27,250	↑ 6.54	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	27.3	98,730	↓ -0.36	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	48.6	19,617	↓ -0.41	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	28.9	19,110	↓ -0.34	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	54.9	25,880	↓ -2.66	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	10.6	3,473	↑ 1.92	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	11.0	4,594	↑ 7.84	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	112.9	54,320	↓ -2.59	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	63.0	53,980	↑ 6.78	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	56.0	23,673	↑ 0.90	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	35.5	36,320	↑ 6.93	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	31.1	93,691	↑ 0.32	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	27.7	30,230	↓ -0.72	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	29.4	37,460	↑ 3.52	HNX
PVL	Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam	38.1	110,270	↑ 6.72	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	35.8	95,460	↑ 2.87	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	14.3	26,065	↑ 4.38	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	25.7	136,340	↑ 6.64	HNX

LỊCH SỰ KIẾN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty Dược và Trang thiết bị Y tế Quân đội	130	2,899,700	10,000	13/05/2010	Từ 26/04/2010 đến 06/05/2010
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	34.2	1,213,300	10,000	12/05/2010	Từ 19/04/2010 đến 05/05/2010
CTCP Kinh khí hóa lỏng miền Nam	150	6,500,000	25,000	06/05/2010	Từ 8/4/2010 đến 27/4/2010
Xí nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2	78.5	1,771,351	10,200	26/04/2010	Từ 02/04/2010.
Công ty công trình Viettel	238	1,925,000	10,000	08/04/2010	0

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Alphanam Cơ điện	HNX	120	04/05/2010
CTCP Xây lắp và Phát triển Dịch vụ Bưu điện Quảng Nam	HNX	15	29/04/2010
Tổng CTCP Y tế Danameco	HNX	24.115	29/04/2010
CTCP Chứng khoán Rồng Việt	HNX	330	27/04/2010
CTCP Gạch ngói Kiên Giang	HNX	23.35961	19/04/2010
Ngân hàng TMCP Quân đội	HSX	5300	19/04/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Xi măng Tiên Sơn	HNX	29.3614	28/04/2010
CTCP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường	HNX	25	28/04/2010
Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist	HSX	80	27/04/2010
CTCP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	HNX	30	27/04/2010
Công ty cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí	HSX	200	27/04/2010
CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	HSX	200	27/04/2010
CTCP S.P.M	HSX	100	26/04/2010
Công ty Cổ phần Đầu tư & Khai thác Công trình Giao thông 584	HSX	360	26/04/2010
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí	HSX	300	19/04/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Dược Đồng Nai	DPP	UPCOM	19.85		19/05/2010
CTCP Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex	VCR	HNX	300.00		10/05/2010
CTCP Thương mại Học Môn	HTC	HNX	35.00		07/05/2010
CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	VHF	UPCOM			07/05/2010
CTCP Xi măng Lạng Sơn	LCC	UPCOM	49.00		06/05/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 39343888 (Ext.: 6732)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339